

Bản án số: 428/2024/DS-PT

Ngày: 05-11-2024

V/v tranh chấp di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Hữu Nghĩa

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Nhữ

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 423/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2024, về việc “Tranh chấp di sản thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2024/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 344/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Lê Thanh L, sinh năm: 1978; địa chỉ: số H khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

2. Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1986 (có mặt).

3. Bà Lê Thị Thu T, sinh năm 1990 (có mặt).

Cùng địa chỉ: số H khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Đoàn Văn A, sinh năm: 1955; địa chỉ: số H đường N, khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Phạm Quốc T1, sinh năm: 1996; địa chỉ: khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An (văn bản ủy quyền ngày 16/01/2024) (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Văn V, sinh năm: 1957; địa chỉ: khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

2. Ông Phùng Văn D, sinh năm: 1977 (có mặt).

3. Bà Đoàn Thị Ngọc N, sinh năm: 1979 (có mặt).

4. Cháu Phùng Ngọc Minh T2, sinh năm: 2010 (vắng mặt).

5. Cháu Phùng Ngọc Minh T3, sinh năm: 2013 (vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật của cháu Phùng Ngọc Minh T2, Phùng Ngọc Minh T3: Bà Đoàn Thị Ngọc N (mẹ ruột) (có mặt).

Cùng địa chỉ: khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Thanh L và quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Võ Thị Q trình bày:

Lê Thanh L là cháu ngoại của bà Lê Thị C. Ông Đoàn Văn H1 (đã mất) và bà Lê Thị C (đã mất) là vợ chồng. Ông H1 và bà C có 2 người con là Đoàn Văn A và Đoàn Thị N1 (đã mất), không có con riêng, con nuôi nào khác. Bà N1 có chồng tên Lê Văn V. Bà N1 và ông V có 3 người con tên Lê Thanh L, Lê Thị Thu H, Lê Thị Thu T. Bà N1 không có con riêng, con nuôi nào khác.

Trước khi mất, bà C không có để lại di chúc, không có nợ ai nhưng có để lại di sản là quyền sử dụng đất (viết tắt QSDĐ) thửa số 388, 726 cùng tờ bản đồ số 24 và thửa đất số 5, 12 cùng tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

Nay ông L yêu cầu chia di sản là các QSDĐ nêu trên làm 2 phần, ông A nhận 1 phần, những người thừa kế của bà N1 gồm ông L, bà H, bà T nhận một phần. Ông L yêu cầu được nhận QSDĐ thửa đất số 5, 12 cùng tờ bản đồ số 17 và thửa đất số 726 tờ bản đồ số 24. Giao cho ông A thửa đất số 388 tờ bản đồ số 24. Các bên không giao trả cho nhau phần chênh lệch được hưởng. Ông L xác định không tranh chấp giá trị công trình kiến trúc và cây trồng trên đất.

Nguyên đơn bà Lê Thị Thu H, bà Lê Thị Thu T thống nhất trình bày như sau: các bà là con của bà Đoàn Thị N1. Các bà thống nhất với yêu cầu của ông L, yêu cầu chia di sản của bà Lê Thị C làm 2 phần, ông A nhận 1 phần, những người thừa kế của bà N1 gồm ông L, bà H, bà T nhận một phần. Các bà yêu cầu được nhận thửa đất số 5, 12, 726; giao cho ông A nhận thửa đất số 388, không yêu cầu hoàn trả giá trị chênh lệch.

Bị đơn ông Đoàn Văn A do ông Phạm Quốc T1 đại diện có ý kiến trình bày: Ông A thống nhất với ông L về các hàng thừa kế của bà Lê Thị C, bà Đoàn Thị N1. Bà C mất không để lại di chúc, không có nợ ai. Bà C có để lại tài sản là QSDĐ thửa

số 388, 726 cùng tờ bản đồ số 24 và thửa đất số 5, 12 cùng tờ bản đồ số 17 cùng tọa lạc thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Theo yêu cầu khởi kiện của ông L thì ông Á có ý kiến như sau: Ông Á yêu cầu được hưởng QSDĐ thửa số 726 và ½ thửa đất số 388 cùng tờ bản đồ số 24; phần còn lại là QSDĐ ½ thửa đất số 388 tờ bản đồ số 24, thửa đất số 5, 12 và căn nhà trên đất giao ông L, bà H, bà T được hưởng. Do ông Á có công gìn giữ đất nên các bên không hoàn trả cho nhau phần chênh lệch được hưởng. Ông Á xác định không tranh chấp đối với cây trồng và giá trị căn nhà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn V trình bày: Ông là chồng của bà Đoàn Thị N1 (đã mất). Ông thống nhất hàng thừa kế của bà C như lời trình bày của nguyên đơn. Ông yêu cầu chia QSDĐ thửa số 388, 726 cùng tờ bản đồ số 24 và thửa đất số 5, 12 cùng tờ bản đồ số 17 làm 2 phần: ông Á nhận 1 phần, những người thừa kế của bà N1 gồm ông L, bà H, bà T nhận một phần.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phùng Văn D, bà Đoàn Thị Ngọc N đồng thời đại diện cho cháu Phùng Ngọc Minh T2 và Phùng Ngọc Minh T3 có yêu cầu vắng mặt và có ý kiến như sau: Ông, bà đang quản lý sử dụng thửa đất số 4, tờ bản đồ số 17 tọa lạc thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Giáp thửa đất của ông, bà là thửa đất số 5, 12 mà các thừa kế của bà Lê Thị C đang tranh chấp. Theo mảnh trích đo để giải quyết vụ án, phần đất của ông, bà đang sử dụng có một phần của thửa số 5, 12 nhưng thực tế ông, bà sử dụng đến hàng rào ổn định nên ông, bà trình bày thực tế sử dụng đất, nếu trường hợp ông, bà có tranh chấp ranh thì ông, bà sẽ làm đơn khởi kiện trong vụ án khác nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết tranh chấp phân chia di sản thừa kế của bà C theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2024/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh L, bà Lê Thị Thu H, bà Lê Thị Thu T về việc tranh chấp thừa kế về tài sản với ông Đoàn Văn Á.

1.1. Giao cho ông Lê Thanh L, bà Lê Thị Thu T, bà Lê Thị Thu H được quyền quản lý, sử dụng phần đất thuộc thửa số 5 diện tích đo đạc thực tế 419m² (vị trí A, B), loại đất BHK; thửa đất số 12 diện tích đo đạc thực tế 381,8m² (vị trí C, D), loại đất ONT cùng tờ bản đồ số 17 và thửa đất số 726 diện tích đo đạc thực tế 544m², loại đất LUC, tờ bản đồ số 24 cùng tọa lạc thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

Buộc bà Đoàn Thị Ngọc N và ông Phùng Văn D di dời tài sản trả lại phần đất tại vị trí A diện tích 158m² thuộc thửa đất số 5 và phần đất tại vị trí D diện tích 30,3m² thuộc thửa số 12 cùng tờ bản đồ số 17 cho ông Lê Thanh L, bà Lê Thị Thu T, bà Lê Thị Thu H được quyền quản lý, sử dụng.

(Phần đất tọa lạc thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Vị trí tứ cạnh của các thửa đất theo Mảnh trích đo địa chính số 30-2024 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T đo vẽ, duyệt ngày 01/02/2024 và Mảnh trích đo địa chính số 173-2023 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T đo vẽ, duyệt ngày 17/10/2023).

1.2. Giao cho ông Đoàn Văn Á được quyền quản lý, sử dụng phần đất thuộc thửa đất số 388 diện tích đo đạc thực tế 2.186,7m², loại đất LUC, tờ bản đồ số 24,

tọa lạc thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Vị trí tứ cạnh của thửa đất theo Mảnh trích đo địa chính số 51-2024 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện T đo vẽ, duyệt ngày 18/3/2024.

2. Các đương sự được quyền liên hệ với các cơ quan quản lý nhà nước về đất đai làm các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Về các chi phí tố tụng: Bà Lê Thị Thu H, bà Lê Thị Thu T mỗi người phải nộp số tiền 5.046.100đ (Năm triệu, không trăm bốn mươi sáu nghìn, một trăm đồng) trả cho ông Lê Thanh L. Ông Đoàn Văn Á phải nộp số tiền 15.138.300đ (Mười lăm triệu, một trăm ba mươi tám nghìn, ba trăm đồng) để trả cho ông Lê Thanh L.

4. Nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1 Ông Đoàn Văn Á được miễn án phí.

4.2 Ông Lê Thanh L, bà Lê Thị Thu H, bà Lê Thị Thu T liên đới nộp số tiền 75.843.438đ (Bảy mươi lăm triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn, bốn trăm ba mươi tám đồng) sung vào ngân sách nhà nước nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp 6.075.500đ (Sáu triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn, năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0006281 ngày 08/11/2022, số 0006339 và 0006340 cùng ngày 19/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Trụ tỉnh Long An. Ông L, bà T, bà H còn phải liên đới nộp tiếp số tiền 69.767.938đ (Sáu mươi chín triệu, bảy trăm sáu mươi bảy nghìn, chín trăm ba mươi tám đồng). Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và hướng dẫn thi hành án.

Bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực, ngày 28/6/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An kháng nghị yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2024/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông Lê Thanh L, bà Lê Thị Thu H, bà Lê Thị Thu T đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, các ông bà yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ H1, cụ C theo giấy chứng nhận QSDĐ; khi đo đạc thì phần đất tại vị trí A thuộc thửa đất số 5 và phần đất tại vị trí D thuộc thửa số 12 cùng tờ bản đồ số 17 hiện bà N và ông D đang quản lý, sử dụng nhưng các ông bà không khởi kiện yêu cầu bà N và ông D trả đất.

Ông Đoàn Văn Á và người đại diện theo ủy quyền của ông Á là ông Phạm Quốc T1 đề nghị quyết giải giao phần đất tại vị trí A thuộc thửa đất số 5 và phần đất tại vị trí D thuộc thửa số 12 cùng tờ bản đồ số 17 cho bà N tiếp tục quản lý sử dụng, vì phần đất này đã giao cho bà N nên không còn là di sản của cụ H1, cụ C.

Bà Đoàn Thị Ngọc N và ông Phùng Văn D không đồng ý giao phần đất tại vị trí A thuộc thửa đất số 5 và phần đất tại vị trí D thuộc thửa số 12 cùng tờ bản đồ số 17 cho ông Lê Thanh L, bà Lê Thị Thu H, bà Lê Thị Thu T yêu cầu được tiếp tục quản lý, sử dụng.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

1. Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật từ khi thụ lý giải quyết vụ án để xét xử phúc thẩm đến trước thời điểm nghị án. Người tham gia tố tụng (nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đảm bảo các nội dung quy định tại Điều 278, Điều 279, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó đủ điều kiện xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

2. Về nội dung kháng nghị: Kiểm sát viên giữ nguyên kháng nghị. Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An thấy rằng:

Các nguyên đơn và bị đơn tranh chấp chia di sản thừa kế của cụ Đoàn Văn H1 và cụ Lê Thị C để lại gồm các thửa đất số 388, 726 cùng tờ bản đồ số 24 và thửa đất số 5, 12 cùng tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Các nguyên đơn yêu cầu được nhận thửa đất số 5, 12, 726. Bị đơn ông A yêu cầu được nhận thửa 726 và ½ thửa đất 388. Các bên không hoàn giá trị chênh lệch cho nhau.

Bà Đoàn Thị Ngọc N, ông Phùng Văn D có ý kiến, theo mảnh trích đo để giải quyết vụ án, phần đất của ông, bà đang sử dụng có một phần của thửa số 5, 12 nhưng thực tế ông bà sử dụng đến hàng rào ổn định nên ông bà trình bày thực tế sử dụng đất, nếu trường hợp ông, bà có tranh chấp ranh thì ông bà sẽ khởi kiện trong vụ án khác nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết tranh chấp phân chia di sản thừa kế của bà C theo quy định pháp luật.

Thấy rằng, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, theo đơn khởi kiện và các văn bản Thông báo thụ lý vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, cũng như tại Bản án dân sự sơ thẩm thì Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp thừa kế về tài sản”; các bên đương sự không có đơn khởi kiện và Tòa án cũng không có thụ lý giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa các nguyên đơn với bà N, ông D về việc yêu cầu bà N, ông D di dời hàng rào trả phần đất đang sử dụng của thửa số 5, 12 cho các nguyên đơn. Chỉ khi tại phiên tòa sơ thẩm các nguyên đơn mới có ý kiến yêu cầu bà N, ông D di dời hàng rào trả phần đất đang sử dụng của thửa số 5, 12 cho các ông, bà.

Như vậy, phần yêu cầu của các nguyên đơn đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N, ông D về việc phải di dời hàng rào trả phần đất đang sử dụng của thửa số 5, 12 chưa được các đương sự thực hiện thủ tục khởi kiện và Tòa án cũng chưa thực hiện các thủ tục tố tụng về việc thụ lý giải quyết vụ án. Tuy nhiên, quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên buộc bà N và ông D di dời tài sản trả lại phần đất tại vị trí A diện tích 158m² thuộc thửa đất số 5 và phần đất tại vị trí D diện tích

30,3m² thuộc thửa số 12 cho các nguyên đơn được quyền quản lý, sử dụng là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện của đương sự theo Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An. Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm giao về cấp sơ thẩm xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đảm bảo các nội dung quy định tại Điều 278, Điều 279, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó đủ điều kiện xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An giữ nguyên quyết định kháng nghị. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[3] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An, thấy rằng:

[3.1] Các nguyên đơn và bị đơn tranh chấp chia di sản thừa kế của cụ Đoàn Văn H1 và cụ Lê Thị C để lại gồm các thửa đất số 388, 726 cùng tờ bản đồ số 24 và thửa đất số 5, 12 cùng tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Các nguyên đơn yêu cầu được nhận thửa đất số 5, 12, 726. Bị đơn ông Á yêu cầu được nhận thửa 726 và ½ thửa đất 388. Các bên không hoàn giá trị chênh lệch cho nhau.

[3.2] Căn cứ Mảnh trích đo địa chính số 30-2024 được Chi nhánh Văn phòng đất đai huyện T duyệt ngày 01/02/2024 thì đất tại vị trí A, diện tích 158m² thuộc một phần thửa đất số 5 và phần đất tại vị trí D, diện tích 30,3m² thuộc một phần thửa số 12 do cụ Lê Thị C đứng tên quyền sử dụng đất nhưng vợ chồng bà Đoàn Thị Ngọc N và ông Phùng Văn D đang sử dụng. Bà Đoàn Thị Ngọc N, ông Phùng Văn D không đồng ý giao đất tại vị trí A, D cho ông L, bà T, bà H như án sơ thẩm đã tuyên. Bà N, ông D yêu cầu được tiếp tục sử dụng.

[3.3] Thấy rằng, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, theo đơn khởi kiện và Thông báo thụ lý vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, cũng như tại Bản án dân sự sơ thẩm thì Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp thừa kế về tài sản”; các bên đương sự không có đơn khởi kiện và Tòa án cũng không có thụ lý giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa các nguyên đơn với bà N, ông D về việc yêu cầu bà N, ông D di dời hàng rào trả phần đất đang sử dụng vị trí A, D của thửa số 5, 12 cho các nguyên đơn. Chỉ khi tại phiên tòa sơ thẩm các nguyên đơn mới có ý kiến yêu cầu bà N, ông D di dời hàng rào trả phần đất vị trí A, D của thửa số 5, 12 đang sử dụng cho các ông, bà. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N, ông D, ông Á xác định phần đất tại vị trí A, D thuộc quyền sử dụng của bà N, ông D nên để cho bà N, ông D tiếp tục sử dụng.

[3.4] Như vậy, phần yêu cầu của các nguyên đơn đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N, ông D về việc phải di dời hàng rào trả phần đất tại vị trí A,

diện tích 158m² thuộc một phần thửa đất số 5 và vị trí D, diện tích 30,3m² thuộc một phần thửa số 12 chưa được các đương sự thực hiện thủ tục khởi kiện và Tòa án cũng chưa thực hiện các thủ tục tố tụng về việc thụ lý giải quyết vụ án để xác định đất tại vị trí A, diện tích 158m² và vị trí D, diện tích 30,3m² có còn là di sản của cụ H1, cụ C hay không; Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ vấn đề này nhưng quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên buộc bà N và ông D di dời tài sản trả lại phần đất tại vị trí A, diện tích 158m² thuộc thửa đất số 5 và phần đất tại vị trí D, diện tích 30,3m² thuộc thửa số 12 cho các nguyên đơn được quyền quản lý sử dụng là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện của đương sự theo Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự.

[4] Từ nhận định tại mục [3] có căn cứ chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm.

[5] Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2024/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. Giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2024/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. Giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Hữu Nghĩa

